

BÀI TẬP UNIT 10 PHẦN B: A BAD TOOTHACHE (Sách giáo khoa trang 103, 104)

Bài tập 1: Viết nghĩa các từ sau.

- Đau răng:
- Nha sĩ:
- Cuộc hẹn:
- Sợ hãi:
- Âm thanh:
- Cái khoan:
- Lo lắng (động từ):
=> Lo lắng (tính từ):
- Trám lỗ sâu răng:
- Làm đau:
- Phòng phẫu thuật:
- Trầm trọng, nghiêm trọng:
- Quan trọng (tính từ):
=> Sự quan trọng (danh từ):
- Giải thích (động từ):
=> Sự giải thích (danh từ):
- Một cách đều đặn (trạng từ):
=> Đều đặn (tính từ):

Bài tập 2: Điền vào mỗi chỗ trống với một từ thích hợp.

scared – appointment – speak – talking – he – worry – went – dentist

Minh has a toothache. He's going to a (1) He has an (2) with a dentist. He's (3) because he hates the sound of the drill. Hoa understands how (4) feels. She advised him not to (5) because last week she also (6) to a dentist who was kind. Minh feels less scared after (7) with Hoa.

Bài tập 3: Hãy viết câu trả lời những việc bạn đã làm hoặc đã không làm của ngày hôm qua.

Ex: Have breakfast at home.

- IF YES => Yesterday, I had breakfast at home.

- IF NO => Yesterday, I didn't have breakfast at home.

1. Go to school.

=>

2. Have meat for lunch.

=>

3. Play soccer.

=>

4. Play computer games.

=>

5. Take morning exercise.

=>

6. Brush teeth before going to bed.

=>

7. Stay up late.

=>

8. Watch television.

=>

Bài tập 4: Chia động từ ở thì hiện tại đơn (Simple present) hoặc quá khứ đơn (Simple past).

1. I always (BRUSH) my teeth before I go to bed. But last night I (FORGET)

2. Yesterday, my mother (GO) to a dentist.

3. Yesterday, my father (NOT GO) to work because he (HAVE) a terrible headache.

4. This morning, I (GET) up late because I (NOT SLEEP) well last night.

5. Last night, I (NOT DO) my homework because I (BE) sick.

6. I (NOT SLEEP) well last night because I (DRINK) a glass of coffee.